

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04 - 05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	07
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	08- 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Cảng Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hà Văn Tiến	Chủ tịch
Bà Đào Thị Tâm	Phó Chủ tịch
Bà Trần Thị Như Hoa	Ủy viên
Bà Hà Thị Kim Phượng	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Hà Văn Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Anh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh, và;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và Đại diện cho Ban Giám đốc,



Hà Văn Tiến
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 19 tháng 3 năm 2016

Số. 058 /VACO/BCKT.HP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Cảng Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Cảng Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 19/3/2016, từ trang 04 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Lương Thị Thuý**

Phó Giám đốc Chi nhánh

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1148-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho

**CHI NHÁNH CÔNG TY KIỂM TOÁN VACO
TẠI HẢI PHÒNG**

Hải Phòng, ngày 19 tháng 3 năm 2016

Đỗ Bình Dương

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1953-2013-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		61.424.201.391	47.199.127.057
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	11.772.736.143	11.589.126.157
1. Tiền	111		11.772.736.143	11.589.126.157
II Các khoản phải thu ngắn hạn	130		45.352.661.818	33.583.470.668
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		24.751.738.056	18.192.867.345
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		162.477.000	4.620.300.730
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	17.945.914.328	8.354.866.825
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	2.492.532.434	2.415.435.768
IV. Hàng tồn kho	140	7	4.079.107.949	1.576.643.776
1. Hàng tồn kho	141		4.079.107.949	1.576.643.776
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		219.695.481	449.886.456
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		219.695.481	449.886.456
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		65.498.165.448	65.602.382.868
I Tài sản cố định	220		12.016.029.206	11.308.577.079
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	12.016.029.206	11.308.577.079
- Nguyên giá	222		27.687.300.284	25.986.259.268
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.671.271.078)	(14.677.682.189)
II Bất động sản đầu tư	230	11	8.081.705.272	8.682.406.684
- Nguyên giá	231		14.837.227.918	14.837.227.918
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(6.755.522.646)	(6.154.821.234)
III Đầu tư tài chính dài hạn	250		44.034.050.000	44.034.050.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	12	-	44.034.050.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	12	44.034.050.000	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.366.380.970	1.577.349.105
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.120.246.480	1.559.906.344
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		246.134.490	17.442.761
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		126.922.366.839	112.801.509.925

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		43.094.014.815	36.473.803.949
I Nợ ngắn hạn	310		42.003.824.545	35.451.613.679
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	8.014.604.538	2.811.120.117
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	2.668.070.681	1.923.610.470
3. Phải trả người lao động	314		6.027.793.908	2.375.417.167
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		324.523.626	343.966.287
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		4.344.000	38.204.931
6. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		124.149.919	177.544.124
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	22.763.699.931	27.001.709.641
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.018.093.000	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.058.544.942	780.040.942
II Nợ dài hạn	330		1.090.190.270	1.022.190.270
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337		1.090.190.270	1.022.190.270
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		83.828.352.024	76.327.705.976
I Vốn chủ sở hữu	410		83.828.352.024	76.327.705.976
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	16	46.514.230.000	46.514.230.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411		46.514.230.000	46.514.230.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	16	14.644.240.000	14.644.240.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	16	10.659.235.976	7.325.218.595
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	16	12.010.646.048	7.844.017.381
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421		3.000.000.000	3.000.000.000
- LNST chưa phân phối kỳ này	421		9.010.646.048	4.844.017.381
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		126.922.366.839	112.801.509.925



Hà Văn Tiến
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 19 tháng 3 năm 2016

Hà Thị Tú
Trưởng phòng TCKT

Nguyễn Thị Hải
Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	286.723.543.927	307.277.071.726
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		286.723.543.927	307.277.071.726
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	245.124.174.089	270.491.881.803
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		41.599.369.838	36.785.189.923
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	1.403.051.670	829.073.852
7. Chi phí tài chính	22	21	1.547.284.976	2.031.326.381
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.489.115.608	1.953.640.145
8. Chi phí bán hàng	25	22	22.781.667.879	18.993.351.648
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	3.740.046.513	3.520.038.374
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		14.933.422.140	13.069.547.372
11. Thu nhập khác	31		265.270.963	380.165.208
12. Chi phí khác	32		-	302.865.417
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		265.270.963	77.299.791
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		15.198.693.103	13.146.847.163
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	3.625.884.984	2.921.186.390
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(228.691.729)	20.931.322
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		11.801.499.848	10.204.729.451
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	2.124	1.869



Hà Văn Tiến
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 19 tháng 3 năm 2016

Hà Thị Tú
Trưởng phòng TCKT

Nguyễn Thị Hải
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu	01	306.237.776.580	334.250.214.322
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(256.497.111.411)	(294.449.062.624)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(17.735.253.797)	(17.019.818.870)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(1.489.776.069)	(1.945.469.862)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(3.094.783.390)	(2.918.396.136)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4.684.231.618	3.672.624.260
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(14.791.703.871)	(14.612.216.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	17.313.379.660	6.977.874.590
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.057.878.796)	(56.846.364)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	175.000.000	220.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(27.248.248.438)	(5.850.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	18.303.115.263	4.500.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	726.995.207	371.428.057
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(10.101.016.764)	(815.418.307)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	95.031.327.884	116.969.809.582
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(99.269.337.594)	(119.545.463.173)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.790.853.800)	(6.064.332.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.028.863.510)	(8.639.986.191)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	183.499.386	(2.477.529.908)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	11.589.126.157	14.066.627.672
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	110.600	28.393
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	11.772.736.143	11.589.126.157



Hà Văn Tiên
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 19 tháng 3 năm 2016

Hà Thị Tú
Trưởng phòng TCKT

Nguyễn Thị Hải
Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Cảng Hải Phòng là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ Tổng hợp trực thuộc Cảng Hải Phòng, thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 2714/2000/QĐ-BGTVT ngày 18/9/2000 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Kinh doanh số 0203000025 ngày 18 tháng 10 năm 2000 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, sửa đổi lần 1 ngày 25/02/2004, lần 2 ngày 16/03/2006, lần 3 ngày 10/4/2007, lần 4 ngày 23/10/2007, lần 5 ngày 05/02/2008, lần 6 ngày 15/08/2009, lần 7 ngày 23/02/2010, lần 8 ngày 12/04/2010, lần 9 ngày 22/03/2011, lần 10 ngày 01/02/2013, lần thứ 11 ngày 27/03/2014, lần thứ 12 ngày 28/8/2014.

Vốn Điều lệ trên Giấy chứng nhận Kinh doanh là 46.514.230.000 đồng, vốn thực góp đến ngày 31/12/2015 là 46.514.230.000 đồng.

Tổng số cán bộ công nhân viên tại ngày 31/12/2015 là 401 người (tại ngày 01/01/2015 là 416 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Kinh doanh và dịch vụ hàng hải (bao gồm: Vận tải thủy, vận tải đường bộ, bốc xếp, giao nhận hàng hoá và cung ứng hàng hải); Kinh doanh kho bãi; Kinh doanh nhà ăn, nhà nghỉ, cho thuê văn phòng; Đại lý bán lẻ xăng dầu, chất đốt, xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại; Đại lý tàu biển; Dịch vụ vệ sinh tàu biển; Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hoá siêu trường, siêu trọng bằng đường bộ và đường thủy; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa thang máy; Sửa chữa thiết bị điện; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Sửa chữa nhà, xưởng, kho tàng; Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo; Bán lẻ đồ uống; Cung ứng lao động tạm thời; Giáo dục nghề nghiệp.

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh và dịch vụ hàng hải (bao gồm: Bốc xếp, giao nhận hàng hoá và cung ứng hàng hải); Kinh doanh kho bãi; Kinh doanh nhà ăn, nhà nghỉ, cho thuê văn phòng; Đại lý bán lẻ xăng dầu, chất đốt; Dịch vụ vệ sinh tàu biển.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty liên kết: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển dịch vụ Cảng Hải Phòng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng, chịu sự kiểm soát của Công ty (Công ty góp 49,48% tổng vốn điều lệ).
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (tiếp theo)

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phát sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và các chi phí trực tiếp để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, trong số dư hàng tồn kho đến ngày 31/12/2015 không có hàng tồn kho nào bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	05-25
Máy móc thiết bị	07-10
Thiết bị quản lý	03- 07
Phương tiện vận tải	06-10

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí sửa chữa và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn góp thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập Doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	946.787.975	119.001.786
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.825.948.168	11.470.124.371
Cộng	11.772.736.143	11.589.126.157

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	24.751.738.056	18.192.867.345
Trạm xăng dầu Lê Thánh Tông	9.239.117.043	12.777.940.318
Cửa hàng kinh doanh lốp	1.997.226.800	2.299.533.159
Công ty cổ phần đầu tư phát triển dịch vụ Cảng Hải Phòng	10.087.477.201	-
Các đối tượng khác	3.427.917.012	3.115.393.868
Cộng	24.751.738.056	18.192.867.345
<i>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>	10.087.477.201	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển dịch vụ Cảng Hải Phòng	10.087.477.201	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	98.375.741	38.492.321
Chi phí SXKD doanh dở dang	2.173.118.664	-
Hàng hóa	1.807.613.544	1.538.151.455
Cộng	4.079.107.949	1.576.643.776
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	4.079.107.949	1.576.643.776

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	17.945.914.328	8.354.866.825
Cho vay	17.945.914.328	8.354.866.825
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển dịch vụ Cảng HP (Bên liên quan)		
Cộng	17.945.914.328	8.354.866.825

Cho vay ngắn hạn thể hiện khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng vay theo các hợp đồng và phụ lục hợp đồng.

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	2.492.532.434	2.415.435.768
Ký cược, ký quỹ (*)	2.106.000.000	2.089.000.000
Phải thu khác	386.532.434	326.435.768
Cộng	2.492.532.434	2.415.435.768

(*) Trong đó bao gồm 02 tỷ là số tiền Công ty phải ký quỹ theo hợp đồng mua bán xăng dầu với Công ty TNHH xăng dầu Nam Ninh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2015	17.775.995.304	5.235.429.976	2.682.910.116	291.923.872	25.986.259.268
Mua trong kỳ	219.540.196	1.793.338.600	-	45.000.000	2.057.878.796
Thanh lý nhượng bán	-	-	(356.837.780)	-	(356.837.780)
Tại 31/12/2015	17.995.535.500	7.028.768.576	2.326.072.336	336.923.872	27.687.300.284
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2015	9.052.432.131	2.682.911.959	2.650.414.227	291.923.872	14.677.682.189
Khấu hao trong kỳ	791.020.520	525.435.260	32.495.889	1.475.000	1.350.426.669
Thanh lý nhượng bán	-	-	(356.837.780)	-	(356.837.780)
Tại 31/12/2015	9.843.452.651	3.208.347.219	2.326.072.336	293.398.872	15.671.271.078
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2015	8.723.563.173	2.552.518.017	32.495.889	-	11.308.577.079
Tại 31/12/2015	8.152.082.849	3.820.421.357	-	43.525.000	12.016.029.206

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình là nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị quản lý đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng lần lượt là 2.659.333.812 đồng, 928.602.869 đồng, 2.326.072.336 đồng và 291.923.872 đồng (tại ngày 01/01/2015 là: 2.659.333.812 đồng, 572.446.281 đồng, 1.906.187.374 đồng, 291.923.872 đồng).

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại 01/01/2015	14.837.227.918	14.837.227.918
Mua trong kỳ	-	-
Thanh lý nhượng bán	-	-
Tại 31/12/2015	14.837.227.918	14.837.227.918
HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại 01/01/2015	6.154.821.234	6.154.821.234
Khấu hao trong kỳ	600.701.412	600.701.412
Tại 31/12/2015	6.755.522.646	6.755.522.646
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2015	8.682.406.684	8.682.406.684
Tại 31/12/2015	8.081.705.272	8.081.705.272

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển DV Cảng HP	44.034.050.000	44.034.050.000
Cộng	44.034.050.000	44.034.050.000

Đầu tư tài chính phản ánh khoản vốn góp theo cam kết góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty đăng ký góp 84 tỷ đồng, chiếm 60% vốn Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng.

Tuy nhiên, thực tế đến ngày 31/12/2015, Công ty đã góp 44.034.050.000 đồng tương đương với 52,42% số vốn cam kết và đang sở hữu 49,48% vốn thực có của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng.

Theo Báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2015, theo Báo cáo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng, Công ty đang lỗ, do khoản lỗ này nằm trong kế hoạch, do đó Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	8.014.604.538	7.156.630.490	2.811.120.117	2.811.120.117
Công ty CPTM Gia Trang	1.328.828.308	1.328.828.308	1.184.538.311	1.184.538.311
Công ty TNHH cơ điện lạnh Trung Dũng	3.113.496.100	3.113.496.100	-	-
Công ty TNHH thiết bị điện Ngũ Phúc	1.002.056.082	1.002.056.082	-	-
Các đối tượng khác	2.570.224.048	1.712.250.000	1.626.581.806	1.626.581.806
Cộng	8.014.604.538	7.156.630.490	2.811.120.117	2.811.120.117

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MÃU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2015		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải nộp trong kỳ		01/01/2015	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Phải nộp</i>								
Thuế GTGT	2.668.070.681	10.724.363.182	4.395.831.243	11.468.823.393	1.923.610.470			
Thuế TNDN	602.758.158	4.395.831.243	3.094.783.390	4.661.270.167	337.319.234			
Thuế TNCN	1.931.501.984	133.810.539	456.501.549	3.625.884.984	1.400.400.390			
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	2.772.247.000	404.421.242	185.890.846			
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	2.772.247.000	-			
Cộng	2.668.070.681	10.724.363.182	11.468.823.393	1.923.610.470	-			

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	31/12/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Vay ngắn hạn</i>						
NH Đầu tư và Phát triển - CN Đông HP (i)	22.763.699.931	22.763.699.931	95.031.327.884	99.269.337.594	27.001.709.641	27.001.709.641
Vay cá nhân (ii)	19.788.699.931	19.788.699.931	90.071.327.884	95.934.337.594	25.651.709.641	25.651.709.641
Cộng	2.975.000.000	2.975.000.000	4.960.000.000	3.335.000.000	1.350.000.000	1.350.000.000
Cộng	22.763.699.931	22.763.699.931	95.031.327.884	99.269.337.594	27.001.709.641	27.001.709.641

(i) Vay ngắn hạn theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn mức số 01/2014/4568045 ngày 02/6/2014 và hợp đồng số 01/2015/4568045/HDTD ngày 26/6/2015; Hạn mức 30 tỷ đồng, giải ngân theo từng giấy nhận nợ; Lãi suất được xác định trong từng Giấy nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay trên được đảm bảo bằng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Công ty Đường Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB538533 và N308659; Khoản vay được gia hạn đến ngày 30/6/2016.

(ii) Vay của các cá nhân theo các hợp đồng cho vay với lãi suất bằng lãi suất cộng phí cho vay của Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Đông Hải Phòng, có điều chỉnh theo lãi suất cho vay ngắn hạn của ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại 01/01/2014	46.514.230.000	14.644.240.000	6.550.218.595	4.512.140.103	72.220.828.698
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	10.204.729.451	10.204.729.451
Chia cổ tức	-	-	-	(5.581.707.600)	(5.581.707.600)
Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	775.000.000	(1.512.140.103)	(737.140.103)
Tăng khác	-	-	-	220.995.530	220.995.530
Tại 01/01/2015	46.514.230.000	14.644.240.000	7.325.218.595	7.844.017.381	76.327.705.976
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	11.801.499.848	11.801.499.848
Chia cổ tức bằng tiền (1)	-	-	-	(2.790.853.800)	(2.790.853.800)
Trích quỹ trong năm (1)	-	-	3.334.017.381	(4.844.017.381)	(1.510.000.000)
Tại 31/12/2015	46.514.230.000	14.644.240.000	10.659.235.976	12.010.646.048	83.828.352.024

- (1) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2015/NQ-DHCD ngày 08/04/2015, Đại hội thông qua phương án phân chia lợi nhuận như sau: trích quỹ đầu tư phát triển 3.334.017.381 đồng; trích Quỹ khen thưởng 600.000.000 đồng, quỹ phúc lợi 400.000.000 đồng, trích quỹ Ban điều hành 510.000.000; chia cổ tức năm 2014 là 12% vốn Điều lệ bằng tiền mặt tương đương với 5.581.707.600 đồng (cổ tức đã được tạm ứng 100% trong năm 2014), và

Theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị số 02/2015/NQ-HDQT ngày 10/11/2015, Hội đồng quản trị quyết định tạm ứng cổ tức lần 1 từ lợi nhuận năm 2015 là 06%/cổ phần tương đương 2.790.853.800 đồng. Việc phân chia lợi nhuận năm 2015 của Công ty sẽ được Đại hội đồng cổ đông của Công ty chính thức thông qua trong năm 2016.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Vốn đã góp đến 31/12/2015		Vốn đã góp đến 01/01/2015	
	VND	%	VND	%
Ngân hàng TMCP ACB	3.216.500.000	6,92%	3.216.500.000	6,92%
Ông Hà Văn Tiến	6.915.180.000	14,87%	6.915.180.000	14,87%
Công ty TNHH Vận tải Hà Phương	8.084.820.000	17,38%	8.084.820.000	17,38%
Các đối tượng khác	28.297.730.000	60,84%	28.297.730.000	60,84%
Cộng	46.514.230.000	100	46.514.230.000	100

Cổ phiếu

	Năm 2015 (Cổ phiếu)	Năm 2014 (Cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu	4.651.423	4.651.423
<i>Số lượng cổ phiếu phổ thông</i>	4.651.423	4.651.423
<i>Số lượng cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.651.423	4.651.423

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

17. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2015	01/01/2015
Ngoại tệ (USD)	101,49	101,40

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	203.187.021.665	269.338.613.425
Doanh thu xây dựng, lắp đặt	45.095.470.698	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	38.441.051.564	37.938.458.301
Cộng	286.723.543.927	307.277.071.726

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn bán hàng	189.563.878.457	256.849.573.453
Giá vốn xây dựng, lắp đặt	42.596.436.140	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	12.963.859.492	13.642.308.350
Cộng	245.124.174.089	270.491.881.803

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.313.645.171	762.082.690
Cổ tức, lợi nhuận được chia	88.560.899	66.962.769
Thu nhập tài chính khác	845.600	28.393
Cộng	1.403.051.670	829.073.852

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền vay	1.489.115.608	1.953.640.145
Hợp đồng hợp tác kinh doanh	54.404.635	36.740.781
Chi phí tài chính khác	3.764.733	40.945.455
Cộng	1.547.284.976	2.031.326.381

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG, CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</i>	3.740.046.513	3.520.038.374
Chi phí nhân viên	2.505.139.603	2.448.337.503
Các khoản chi phí QLDN khác	1.234.906.910	1.071.700.871
<i>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</i>	22.781.667.879	18.993.351.648
Chi phí nhân viên	13.171.794.053	10.566.584.362
Chi phí khấu hao TSCĐ	344.136.532	339.633.187
Thuế, phí và lệ phí	2.814.831.000	1.605.163.000
Chi phí điện, nước	3.412.944.266	2.632.907.461
Các khoản chi phí bán hàng khác	3.037.962.028	3.849.063.638

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	15.198.693.103	13.146.847.163
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	1.282.602.278	131.272.793
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(88.560.899)	(66.962.769)
Trừ: Hoàn nhập chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.151.387.177	(95.142.372)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	219.776.000	293.377.934
Thu nhập chịu thuế	16.481.295.381	13.278.119.956
Thuế suất thông thường	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.625.884.984	2.921.186.390
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(228.691.729)	20.931.322
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	3.397.193.255	2.942.117.712

24. CHI PHÍ THEO YẾU TỐ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí giá vốn	232.160.314.597	256.849.573.453
Chi phí nguyên vật liệu	689.232.131	379.896.046
Chi phí nhân công	23.839.117.603	22.712.879.657
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.932.687.225	2.072.484.307
Chi phí dịch vụ mua ngoài, bằng tiền khác	13.024.536.925	10.990.438.362
Cộng	271.645.888.481	293.005.271.825

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2015 VND	Năm 2014 (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	11.801.499.848	10.204.729.451
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	(1.920.000.000)	(1.510.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	9.881.499.848	8.694.729.451
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.651.423	4.651.423
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.124	1.869

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 đã được kiểm toán là 2.194 đồng/cổ phiếu. Tuy nhiên, chỉ tiêu này được tính và trình bày lại theo quy định của Thông tư số 200/2014-TT/BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 được tính toán lại trên cơ sở Lợi nhuận sau thuế đã trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ nguồn lợi nhuận năm 2014 chia cho số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản vay	22.763.699.931	27.001.709.641
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	11.772.736.143	11.589.126.157
Nợ thuần	10.990.963.788	15.412.583.484
Vốn chủ sở hữu	83.828.352.024	76.327.705.976
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,13	0,20

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.772.736.143	11.589.126.157
Phải thu khách hàng, phải thu khác	27.244.270.490	20.608.303.113
Phải thu về cho vay	17.945.914.328	8.354.866.825
Đầu tư tài chính dài hạn	44.034.050.000	44.034.050.000
Cộng	100.996.970.961	84.586.346.095
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	22.763.699.931	27.001.709.641
Phải trả người bán và phải trả khác	9.228.944.727	4.010.854.511
Cộng	33.010.737.658	31.356.530.439

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.772.736.143	-	11.772.736.143
Phải thu khách hàng và phải thu khác	27.244.270.490	-	27.244.270.490
Phải thu về cho vay	17.945.914.328	-	17.945.914.328
Đầu tư tài chính dài hạn	-	44.034.050.000	44.034.050.000
Cộng	56.962.920.961	44.034.050.000	100.996.970.961
Tại 31/12/2015			
Các khoản vay	22.763.699.931	-	22.763.699.931
Phải trả người bán và phải trả khác	8.138.754.457	1.090.190.270	9.228.944.727
Cộng	31.920.547.388	1.090.190.270	33.010.737.658
Chênh lệch thanh khoản thuần	25.042.373.573	42.943.859.730	67.986.233.303
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.589.126.157	-	11.589.126.157
Phải thu khách hàng và phải thu khác	20.608.303.113	-	20.608.303.113
Phải thu về cho vay	8.354.866.825	-	8.354.866.825
Đầu tư tài chính dài hạn	-	44.034.050.000	44.034.050.000
Cộng	40.552.296.095	44.034.050.000	84.586.346.095
Tại 01/01/2015			
Các khoản vay	27.001.709.641	-	27.001.709.641
Phải trả người bán và phải trả khác	2.988.664.241	1.022.190.270	4.010.854.511
Cộng	29.990.373.882	1.022.190.270	31.012.564.152
Chênh lệch thanh khoản thuần	10.561.922.213	43.011.859.730	53.573.781.943

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

27. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý do Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, sẫm lốp, cho thuê văn phòng, dịch vụ bốc xếp hàng hoá tại Thành phố Hải Phòng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bản chất bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển dịch vụ Cảng Hải Phòng

Công ty liên kết

Trong năm, Công ty có giao dịch với bên liên quan như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Cho vay vốn lưu động	8.945.133.175	2.618.090.825
Cung cấp hàng hóa dịch vụ	44.764.549.511	396.591.138
Lãi tiền vay	645.914.328	486.556.313

Số dư với bên liên quan:

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu cho vay	17.945.914.328	8.354.866.825

Thu nhập của Ban Giám đốc

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	1.280.080.000	1.070.105.456
Cộng	1.280.080.000	1.070.105.456

29. THÔNG TIN KHÁC

Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

Chi tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2014
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	51,60	58,16
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	48,40	41,84
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	33,95	32,33
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	66,05	67,67
2. Khả năng thanh toán tổng quát			
2.1 Khả năng thanh toán tổng quát	lần	2,95	3,09
2.2 Khả năng thanh toán nợ đến hạn	lần	1,46	1,33
2.3 Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,28	0,33
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất sinh lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	5,30	4,28
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu	%	4,12	3,32
3.2 Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	11,97	11,65
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	9,30	9,05
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/nguồn vốn chủ sở hữu	%	14,08	11,75

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán, một số số chỉ tiêu được phân loại lại cho phù hợp với khả năng so sánh như sau:

	31/12/2014 (Đã kiểm toán)		01/01/2015 (Trình bày lại)		Chênh lệch	Ghi chú
	Mã	Số tiền	Mã	Số tiền	Số tiền	
	số	VND	số	VND	VND	
Phải thu về cho vay NH	-	-	135	8.354.866.825	8.354.866.825	(1)
Đầu tư ngắn hạn khác	121	8.354.866.825	-	-	(8.354.866.825)	(1)
Phải thu ngắn hạn khác	135	326.435.768	136	2.415.435.768	2.089.000.000	(2)
Tài sản ngắn hạn khác	158	2.089.000.000	-	-	(2.089.000.000)	(2)
Quỹ đầu tư phát triển	417	4.235.072.642	418	7.325.218.595	3.090.145.953	(3)
Quỹ dự phòng tài chính	418	3.090.145.953	-	-	(3.090.145.953)	(3)
Thu nhập khác	31	1.988.533.609			(1.988.533.609)	(4)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			01	1.988.533.609	1.988.533.609	(4)

- (1) Trình bày lại mã số 121 sang mã số 135 theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.
- (2) Trình bày lại mã số 135, 158 sang mã số 136 theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.
- (3) Trình bày lại mã số 417, 418 sang mã số 418 theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.
- (4) Phân loại lại chi phí điện, nước thu của các đơn vị thuê văn phòng từ mã số 31 sang mã số 01 cho mục đích so sánh.



Hà Văn Tiến
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 19 tháng 3 năm 2016

Hà Thị Tú
Trưởng phòng TCKT

Nguyễn Thị Hải
Người lập biểu